

Chứng khoán Việt Nam

Thông tin thị trường chuyên sâu

Báo cáo ngày

Xu hướng thị trường:

Luân phiên giữ điểm

Thị trường giao dịch giằng co trong phiên kết thúc tuần, chỉ số tăng trong phiên sáng, sau đó áp lực bán gia tăng trong phiên chiều khiến nhiều cổ phiếu quay đầu giảm điểm khiến VN-Index đóng phiên quanh mức giá tham chiếu. Nổi bật trong phiên hôm nay có nhóm cổ phiếu Phân bón với nhiều đại diện tăng tốt như DCM, DPM, BFC kịch tăng trần khi giá ure tăng tốt từ đầu năm. Các cổ phiếu Dầu khí cũng đóng góp nhiều nâng đỡ thị trường. Khối ngoại cũng tạm ngưng bán ròng sau chuỗi dài ngày, FPT cũng được khối này mua ròng trở lại sau giai đoạn bán ròng liên tiếp. Thị trường giữ nhịp khá tốt với thanh khoản ghi nhận ở mức trung bình khi tiến gần về vùng đỉnh cũ.

Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index tăng 0.69 điểm (+0.04%), đóng phiên ở 1,880.33 điểm; HNX-Index tăng 0.49 điểm (+0.19%), đạt 262.82 điểm. Thanh khoản toàn thị trường đạt 33.4 nghìn tỷ đồng, ở mức bình quân 20 phiên, tương ứng với khoảng 1.1 tỷ cổ phiếu được giao dịch. Khối ngoại đảo chiều mua ròng nhẹ với giá trị 190 tỷ đồng, trong đó giá trị mua ròng nổi trội được ghi nhận ở FPT, GMD và MWG. Ở chiều ngược lại, các cổ phiếu bị bán ròng tiêu biểu có VNM, VCB và FRT.

VIC (+1.84%), BSR (+4.00%), GAS (+1.79%) là ba mã cổ phiếu đóng góp nhiều nhất để nâng đỡ chỉ số. Ở chiều ngược lại, MCH (-3.42%), VNM (-3.40%), HPG (-2.04%) là ba mã lấy đi nhiều điểm nhất của thị trường.

Bất động sản, Thời trang và Năng lượng là ba nhóm ngành ghi nhận mức đóng góp lớn nhất khiến chỉ số giảm điểm trong phiên giao dịch hôm nay. Các đại diện tiêu biểu là VIC, VGT và BSR.

Góc nhìn kỹ thuật: VN-Index tiếp tục giao dịch rung lắc khi chỉ số tiệm cận vùng kháng cự quanh 1,900 điểm. Dù điểm số gần như đi ngang, nhưng dòng tiền duy trì ở mức cao cho thấy thị trường vẫn vận động ở trạng thái tích cực. Phiên hôm nay chỉ mang tính chất rung lắc kỹ thuật để hạ nhiệt và hấp thụ cung chốt lời ngắn hạn và chưa xuất hiện dấu hiệu phân phối. Xu hướng chủ đạo nghiêng về hướng tăng, đồng thời dư địa mở rộng nhịp đi lên vẫn còn nếu thanh khoản duy trì ở mức tích cực.

Dưới góc nhìn thống kê, chúng tôi theo dõi tỷ lệ phần trăm các mã cổ phiếu giao dịch trên đường trung bình động 50 ngày (EMA50) như một chỉ báo để xác định đáy thị trường. Trong lịch sử, VN-Index thường xác nhận đáy khi tỷ lệ này dao động trong khoảng từ 30% đến 40% và tạo đỉnh quanh vùng 60-70%. Với con số hiện tại đang ở mức quanh 40-45%, dữ liệu cho thấy dư địa tăng trưởng vẫn còn cho phần lớn các cổ phiếu.

Ở trường hợp cơ sở: Thị trường bật tăng sau khi kiểm định lại hỗ trợ 1,800 sẽ hướng về vùng đỉnh cũ ngắn hạn tại 1,900. Điều kiện cần để thị trường duy trì xu hướng tăng là thanh khoản tiếp tục cải thiện (với sự góp mặt của nhà đầu tư tổ chức) và dòng tiền lan tỏa dần sang các nhóm ngành khác.

Ở trường hợp tiêu cực: Đà tăng mạnh với thanh khoản cải thiện cùng độ rộng thị trường cho thấy sự lan tỏa tích cực đã tạo ra cho nhà đầu tư một điểm cắt lỗ phù hợp trong trường hợp thị trường đón nhận thông tin tiêu cực ngoài dự báo. Theo đó, trong trường hợp tiêu cực, VN-Index giảm về vùng sideway đã tích lũy trước đó quanh 1,600-1,700, nhà đầu tư có thể cân nhắc giảm tỷ trọng để quản trị rủi ro danh mục.

Chiến lược: Nhà đầu tư trung dài hạn có thể mua với nhóm chưa tăng và có nền tích lũy chặt. Tuy nhiên, khi chỉ số đã tăng mạnh và tiến vào vùng kháng cự cao hơn, ưu tiên nắm giữ và sẵn sàng chốt lời ngắn hạn hơn là mua mới đặc biệt với nhóm cổ phiếu vận động theo thị trường.



Các chỉ số chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam (tỷ đồng)

| Index | Giá | %ID | %1M | %1Yr. | PER | PBR | Vốn hóa |
|-------------|-------|------|-----|-------|------|-----|-----------|
| VN-Index | 1,880 | 0.0 | 2.7 | 43.8 | 16.9 | 2.3 | 8,752,244 |
| VN30 Index | 2,062 | -0.4 | 2.1 | 51.2 | 15.8 | 2.4 | 6,160,859 |
| VN Midcap | 2,300 | -0.1 | 5.3 | 15.3 | 15.0 | 1.5 | 1,487,357 |
| VN Smallcap | 1,517 | 0.0 | 2.9 | -0.5 | 16.4 | 1.1 | 318,949 |
| HNX Index | 263 | 0.2 | 3.9 | 9.8 | 13.8 | 1.8 | 419,172 |
| UpCom | 129 | 0.4 | 1.9 | 29.6 | 13.4 | 1.8 | 667,484 |

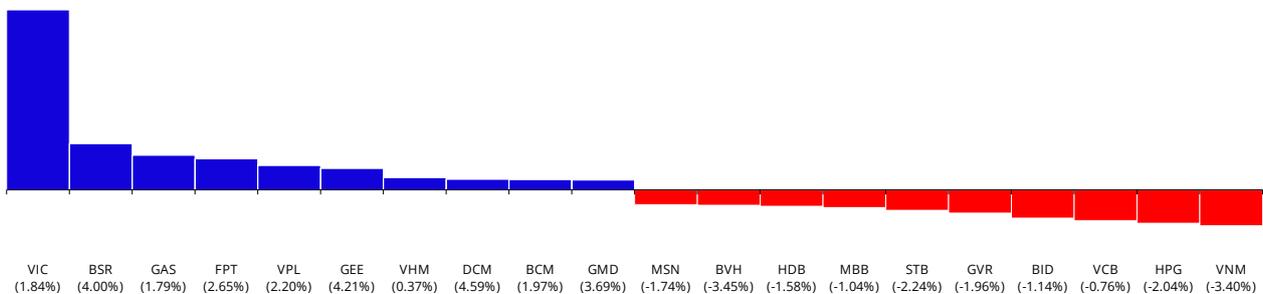
Nhóm ngành (tỷ đồng)

| Nhóm ngành | %ID | %1M | %YTD | %1 YR. | PER | PBR | Vốn hóa |
|----------------------|------|------|------|--------|------|-----|-----------|
| Bán lẻ | -0.6 | 19.4 | 8.1 | 1.5 | 22.1 | 4.1 | 187,268 |
| Bảo hiểm | -3.0 | 43.6 | 33.1 | 30.9 | 17.0 | 2.1 | 73,949 |
| Bất động sản | 0.9 | 13.6 | -5.9 | 215.4 | 27.7 | 3.0 | 2,187,298 |
| CNTT | 2.3 | -0.8 | -2.0 | -23.3 | 16.8 | 3.7 | 174,748 |
| Dầu khí | 1.1 | 69.6 | 52.3 | 39.0 | 35.2 | 3.6 | 94,897 |
| Dịch vụ tài chính | 0.3 | 9.8 | 8.5 | 31.2 | 14.7 | 1.6 | 260,821 |
| Tiền ích | 1.6 | 46.5 | 27.0 | 40.9 | 17.0 | 2.5 | 411,588 |
| Du lịch và Giải trí | -0.8 | -0.5 | -4.2 | 51.3 | 18.4 | 5.1 | 189,790 |
| Hàng & DV CN | 1.1 | 12.6 | 9.8 | 22.9 | 14.3 | 1.8 | 185,118 |
| Hàng CN & Gia dụng | 1.1 | 21.7 | 16.4 | 11.3 | 12.7 | 1.9 | 67,378 |
| Hóa chất | -0.3 | 32.9 | 38.1 | 10.3 | 19.4 | 2.1 | 264,527 |
| Ngân hàng | -0.8 | 13.3 | 8.5 | 27.1 | 10.1 | 1.7 | 2,827,137 |
| Ô tô và phụ tùng | -0.6 | -4.5 | -0.9 | 5.8 | 3.6 | 1.2 | 15,780 |
| Tài nguyên Cơ bản | -1.8 | 10.0 | 10.1 | 25.2 | 15.8 | 1.5 | 270,258 |
| Thẩm mỹ & Đồ uống | -1.9 | 5.8 | 4.8 | 11.8 | 17.4 | 2.6 | 475,990 |
| Truyền thông | -2.3 | 6.8 | 8.1 | -16.1 | 27.2 | 1.5 | 2,904 |
| Xây dựng và Vật liệu | 0.1 | 0.3 | 4.9 | 9.3 | 11.8 | 1.5 | 151,617 |
| Y tế | -0.5 | 7.4 | 4.2 | 3.8 | 19.4 | 2.2 | 42,028 |

Tiền tệ và hàng hóa

| | Tỷ giá | %ID | %1W | %1M | %3M | %YTD | %1Yr. |
|--------------|--------|------|------|-------|-------|-------|-------|
| Dollar index | 98 | -0.1 | -0.1 | 1.6 | -1.9 | -0.6 | -8.9 |
| USD/JPY | 156 | 0.0 | 0.7 | 2.6 | -0.1 | -0.3 | 4.3 |
| USD/CNY | 7 | 0.2 | -0.7 | -1.4 | -3.1 | -1.9 | -5.9 |
| KRW/USD | 1,439 | 0.4 | -0.5 | 0.1 | -1.6 | 0.0 | -0.5 |
| EUR/USD | 1 | -0.1 | -0.2 | 2.0 | -1.8 | -0.5 | -11.9 |
| USD/VND | 26,049 | -0.1 | 0.3 | -0.3 | -1.2 | -0.9 | 2.0 |
| Dầu thô | 66 | 1.0 | -0.8 | 5.6 | 12.3 | 14.8 | -6.3 |
| Xăng | 237 | 16.7 | 18.7 | 27.1 | 25.5 | 39.0 | 18.7 |
| Khí đốt | 3 | 0.2 | -7.0 | -59.2 | -37.8 | -23.1 | -28.0 |
| Than | 116 | -0.3 | -0.3 | 6.6 | 4.2 | 7.7 | 13.1 |
| Vàng | 5,178 | -0.1 | 1.4 | 0.0 | 24.5 | 19.9 | 79.9 |
| Thép cuộn | 3,244 | -0.2 | -0.3 | -1.2 | -1.7 | -0.8 | -5.4 |

Đóng góp vào VN Index



[Analyst]
Nhi Nguyen
 ☎ (84-28) 6299 - 8000
 ✉ nhi.ntt@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV để cập nhật báo cáo mới nhất



Quét mã QR hoặc click để theo dõi

Điểm tin thị trường

Tin tức nổi bật

- KBC – Khu công nghiệp:** Dự án KCN Phú Bình do Kinh Bắc làm chủ đầu tư có tổng mức đầu tư 11,492 tỷ đồng, quy mô 675 ha, hiện đã kê khai kiểm đếm đất của 138 hộ dân với diện tích 10.95 ha.
- CMC – Công nghệ:** Ngày 26/2/2026, CMC cùng UBND TP Hà Nội và Đại học Bách khoa Hà Nội đồng sáng lập Công ty Cổ phần Trung tâm Đổi mới sáng tạo Hà Nội, nhằm thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và kết nối toàn cầu.
- SCD – Thực phẩm và Đồ uống:** F&N Ventures Pte. Ltd, công ty con thuộc hệ sinh thái Thai Beverage của tỷ phú Thái Lan Charoen Sirivadhanabhakdi, đã trả giá 98 tỷ đồng để mua nhà máy nước giải khát Nhon Trạch 3 của Sà xị Chương Dương.
- EIB – Ngân hàng:** Eximbank đã chính thức chuyển trụ sở chính từ TP HCM sang số 27-29 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội từ ngày 13/2 sau khi được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt và cam kết duy trì hoạt động ổn định.
- HPG – Nguyên vật liệu:** Hòa Phát thông báo tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 vào 8h ngày 21/4 tại Hà Nội, chốt danh sách cổ đông tham dự vào ngày 18/3 và hiện có hơn 194,000 cổ đông.
- NVL – Bất động sản:** Công ty TNHH No Va Thảo Điền, công ty con của Novaland, đã chậm thanh toán 2,119.8 tỷ đồng gốc và lãi trái phiếu mã NTDCH2227001 và hiện đang tiếp tục thương thảo với nhà đầu tư về khoản dư nợ này.
- GAS – Tiện ích:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu rà soát tư cách công ty đại chúng với các doanh nghiệp như PV GAS, BSR, ACV, BID; nếu không đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ tối thiểu 30 tỷ đồng và cơ cấu cổ đông sẽ bị hủy tư cách.
- BSR – Dầu khí:** CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn đã chọn CTCP Bao bì và Thương mại Dầu khí Bình Sơn cung cấp 410,000 pallet với đơn giá 328,000 đồng/pallet, tổng giá trị gói thầu gần 148 tỷ đồng, thực hiện trong 3 năm.
- VIC – Bất động sản:** Vingroup dự kiến phát hành tối đa 1,750 trái phiếu quốc tế mệnh giá 200,000 USD/trái phiếu với tổng giá trị 350 triệu USD, lãi suất tối đa 5.75%/năm, kỳ hạn 5 năm, kèm quyền chọn nhận cổ phiếu Vinpearl.

Cổ phiếu nổi bật trong ngày

▶ CTCP Lọc – Hóa dầu Bình Sơn - BSR

BSR – Dầu khí: Trong hai tháng đầu năm 2026, BSR vận hành Nhà máy Lọc dầu Dung Quất với công suất trung bình 125.4% và xuất bán hơn 1.4 triệu tấn sản phẩm, khẳng định vai trò trụ cột trong bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.



Xu hướng dòng tiền

| Luận chuyển dòng tiền giữa các nhóm ngành (tỷ đồng) | | | | | | |
|---|-------------------------------|--|-------|-------|-----------|-------------------|
| STT | Nhóm ngành | % Thay đổi thanh khoản trung bình 1 tuần | | | TB 1 tuần | Xu hướng 20 phiên |
| 1 | Xây dựng và Vật liệu | 22.5 | 1,303 | 1,397 | 1,140 | |
| 2 | Ô tô và phụ tùng | 21.7 | 28 | 50 | 41 | |
| 3 | Thực phẩm và đồ uống | 20.1 | 1,878 | 1,978 | 1,647 | |
| 4 | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 19.9 | 618 | 752 | 627 | |
| 5 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 18.5 | 1,791 | 2,304 | 1,945 | |
| 6 | Hóa chất | 14.4 | 1,099 | 1,749 | 1,529 | |
| 7 | Bảo hiểm | 10.7 | 74 | 107 | 97 | |
| 8 | Bất động sản | 8.0 | 3,250 | 3,271 | 3,028 | |
| 9 | Dịch vụ tài chính | 7.8 | 2,653 | 3,487 | 3,235 | |
| 10 | Hàng cá nhân & Gia dụng | 6.0 | 405 | 362 | 341 | |
| 11 | Dầu khí | 3.7 | 1,752 | 1,958 | 1,888 | |
| 12 | Bán lẻ | -3.0 | 809 | 918 | 946 | |
| 13 | Du lịch và Giải trí | -10.7 | 255 | 261 | 292 | |
| 14 | Y tế | -18.5 | 31 | 34 | 42 | |
| 15 | Ngân hàng | -21.0 | 5,348 | 4,972 | 6,297 | |
| 16 | Truyền thông | -24.2 | 53 | 18 | 24 | |
| 17 | Công nghệ Thông tin | -29.7 | 1,640 | 1,789 | 2,545 | |

| Top 15 cổ phiếu có giá trị giao dịch đột biến 1 tuần | | | | | | | | | |
|--|----------------------|----------------------------|--------------|------|------|--------------------|-----------------|----------------|----------|
| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % Thay đổi | | | Thống kê giao dịch | | | |
| | | | Giá đóng cửa | %1D | %1W | %YTD | % Thay đổi GTGD | GTGD (tỷ đồng) | Xu hướng |
| VCI | Chứng khoán Vietcap | Dịch vụ tài chính | 38,500 | 3.6 | 5.5 | 18.5 | 189 | 857.0 | |
| VCB | Vietcombank | Ngân hàng | 64,900 | -0.8 | 0.8 | 7.2 | 137 | 575.6 | |
| SSI | Chứng khoán SSI | Dịch vụ tài chính | 32,400 | 0.0 | 3.2 | 40.0 | 2 | 1,215.3 | |
| VHM | Vinhomes | Bất động sản | 108,000 | 0.4 | -0.9 | 170.0 | 3 | 526.6 | |
| HPG | Hòa Phát | Tài nguyên Cơ bản | 28,800 | -2.0 | 7.3 | 29.7 | (3) | 1,372.2 | |
| CTG | VietinBank | Ngân hàng | 38,250 | -0.6 | -0.9 | 47.5 | (12) | 339.4 | |
| MSN | Tập đoàn Masan | Thực phẩm và đồ uống | 79,000 | -1.7 | 1.3 | 12.9 | (13) | 402.5 | |
| GEX | Tập đoàn Gelex | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 39,550 | -0.9 | 5.2 | 125.0 | (25) | 343.8 | |
| MWG | Thế giới di động | Bán lẻ | 93,100 | -0.5 | 0.3 | 54.8 | (20) | 486.5 | |
| MBB | MBBank | Ngân hàng | 28,500 | -1.0 | 0.7 | 74.0 | (30) | 425.3 | |
| VIX | Chứng khoán VIX | Dịch vụ tài chính | 22,500 | -0.7 | -0.2 | 139.8 | (23) | 715.0 | |
| TCB | Techcombank | Ngân hàng | 36,250 | -0.5 | 2.3 | 51.0 | (46) | 287.3 | |
| DIG | DIC Corp | Bất động sản | 14,950 | -2.6 | -5.7 | -8.5 | (53) | 239.9 | |
| VND | Chứng khoán VNDIRECT | Dịch vụ tài chính | 18,700 | -0.5 | 0.5 | 53.1 | (66) | 171.6 | |
| SHB | SHB | Ngân hàng | 15,950 | -1.2 | 3.2 | 102.6 | (52) | 618.7 | |

| Top 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến 1 tuần | | | | | | | | | |
|---|------------------------------|----------------------------|--------------|------|------|--------------------|-----------------|----------------------|----------|
| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % thay đổi | | | Thống kê giao dịch | | | |
| | | | Giá đóng cửa | %1D | %1W | %YTD | % Thay đổi KLGD | Khối lượng giao dịch | Xu hướng |
| GEE | Thiết bị điện GELEX | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 188,000.0 | 4.2 | 6.5 | -23.4 | 3.4 | 125.70 | |
| DPG | Tập đoàn Đạt Phương | Xây dựng và Vật liệu | 47,200.0 | -1.3 | 4.8 | 25.9 | 5.0 | 47.65 | |
| HHP | Giấy Hoàng Hà Hải Phòng | Tài nguyên Cơ bản | 14,650.0 | -0.3 | -1.7 | 32.0 | 10.2 | 10.70 | |
| BFC | Phân bón Bình Điền | Hóa chất | 73,600.0 | 7.0 | 21.7 | 72.4 | 2.2 | 42.25 | |
| DGW | Thế Giới Số | Bán lẻ | 51,200.0 | -3.4 | 1.4 | 31.3 | 1.1 | 41.25 | |
| HVH | Đầu tư và Công nghệ HVC | Xây dựng và Vật liệu | 12,150.0 | -1.6 | -1.2 | -9.3 | 2.5 | 13.55 | |
| CIG | Xây dựng COMA 18 | Xây dựng và Vật liệu | 7,940.0 | -0.1 | -0.4 | -6.6 | 1.8 | 9.30 | |
| CKG | Xây dựng Kiên Giang | Bất động sản | 9,860.0 | -1.4 | 7.9 | -1.4 | -4.8 | 12.40 | |
| RYG | Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia | Xây dựng và Vật liệu | 10,800.0 | 0.0 | 0.9 | 4.9 | -6.9 | 11.00 | |
| TDP | Công ty Thuận Đức | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 29,050.0 | -6.1 | -5.4 | 0.2 | -3.5 | 33.20 | |

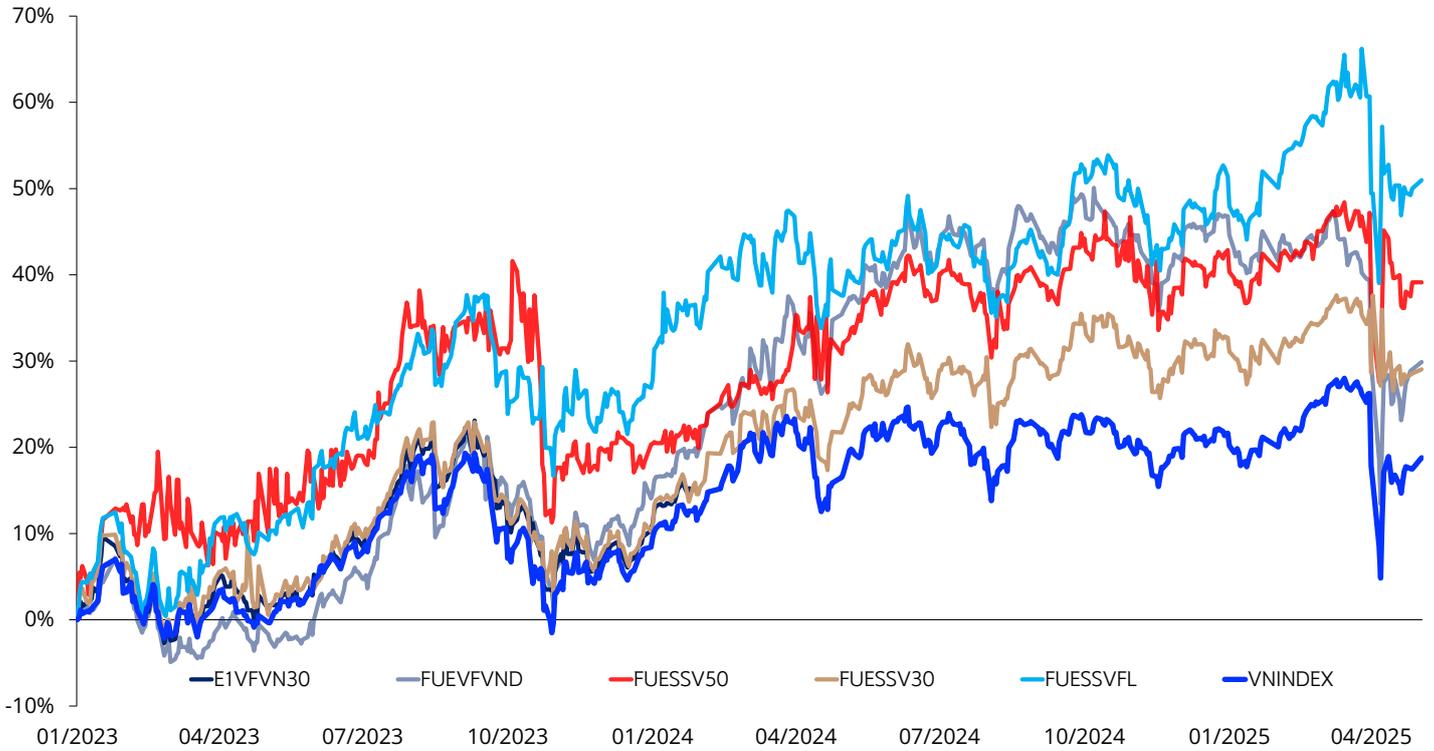
| Top mua bán ròng của khối ngoại trong ngày (tỷ đồng) | | | | Giao dịch của khối ngoại (tỷ đồng) | | | |
|--|-----|--------------|--------|------------------------------------|---------|---------|--------------|
| Top bán ròng | | Top mua ròng | | Ngày | Mua | Bán | Mua-Bán ròng |
| (242.99) | VNM | PNJ | 225.35 | 2/27/2026 | 4,264.0 | 4,073.9 | 190.1 |
| (162.65) | VCB | FPT | 223.16 | 2/26/2026 | 6,145.0 | 9,215.5 | -3,070.4 |
| (107.97) | FRT | GMD | 205.89 | 2/25/2026 | 4,727.8 | 5,790.6 | -1,062.8 |
| (107.26) | DXG | VHM | 178.39 | 2/24/2026 | 5,044.2 | 4,722.3 | 322.0 |
| (56.46) | VIX | MWG | 158.27 | 2/23/2026 | 2,938.5 | 4,055.1 | -1,116.7 |
| (47.02) | PDR | VPB | 151.32 | 2/13/2026 | 3,463.8 | 3,271.1 | 192.6 |
| (40.18) | STB | DGC | 110.46 | 2/12/2026 | 2,843.1 | 2,500.7 | 342.4 |
| (40.11) | KDC | ACB | 97.53 | 2/11/2026 | 5,144.6 | 3,055.4 | 2,089.2 |
| (37.52) | MSN | VIC | 91.38 | 2/10/2026 | 3,821.9 | 3,063.5 | 758.3 |
| (36.70) | TCH | VCK | 74.59 | 2/9/2026 | 3,346.5 | 3,599.1 | -252.5 |
| | | | | 2/6/2026 | 5,077.8 | 5,996.9 | -919.1 |
| | | | | 2/5/2026 | 3,697.5 | 4,954.4 | -1,256.9 |
| | | | | 2/4/2026 | 4,384.1 | 5,348.4 | -964.3 |
| | | | | 2/3/2026 | 4,479.8 | 5,103.0 | -623.2 |
| | | | | 2/2/2026 | 3,244.0 | 5,711.0 | -2,466.9 |
| | | | | 1/30/2026 | 3,927.2 | 3,242.1 | 685.1 |

Chứng chỉ quỹ ETF

Thông kê giao dịch chứng chỉ quỹ ETF nội địa

| Stt | Tên quỹ | Mã chứng chỉ quỹ | Giá (VND) | %1D | %1M | YTD | KLGD | GTGD (tỷ đồng) | Thanh khoản 20 phiên |
|-----|----------------------------|------------------|-----------|-------|-------|-------|---------|----------------|----------------------|
| 1 | DCVFMVN30 ETF Fund | E1VFN30 | 36,400 | -0.4% | 1.4% | 0.9% | 455,800 | 16.6 | |
| 2 | SSIAM VNX50 ETF | FUESSV50 | 30,250 | -0.2% | -0.3% | 6.4% | 6,500 | 0.2 | |
| 3 | SSIAM VNFIN LEAD ETF | FUESSVFL | 31,790 | -0.2% | 2.0% | 4.7% | 9,000 | 0.3 | |
| 4 | DCVFMVN Diamond ETF | FUEVFNVD | 40,800 | 0.4% | 3.4% | 6.5% | 256,700 | 10.4 | |
| 5 | VinaCapital VN100 ETF | FUEVN100 | 27,030 | -2.3% | 2.6% | 5.9% | 151,700 | 4.2 | |
| 6 | SSIAM VN30 ETF | FUESSV30 | 25,520 | -2.0% | 0.1% | 0.1% | 37,500 | 1.0 | |
| 7 | MAFN VN30 ETF | FUEMAV30 | 25,110 | -0.6% | 2.2% | 1.2% | 2,500 | 0.1 | |
| 8 | IPAAM VN100 ETF | FUEIP100 | 13,300 | 0.3% | -0.7% | 6.8% | 1,300 | 0.0 | |
| 9 | KIM Growth VN30 ETF | FUEKIV30 | 14,010 | 0.4% | 2.6% | 1.7% | 1,400 | 0.0 | |
| 10 | DCVFMVN Mid Cap ETF | FUEDCMID | 14,420 | -0.8% | -2.6% | -2.6% | 4,500 | 0.1 | |
| 11 | KIM Growth VNFINSELECT ETF | FUEKIVFS | 18,270 | 0.0% | 2.1% | 4.0% | 100 | 0.0 | |
| 12 | MAFM VNDIAMOND ETF | FUEMAVND | 17,190 | 0.0% | 3.9% | 5.4% | 900 | 0.0 | |
| 13 | FPT CAPITAL VNX50 ETF | FUEFCV50 | 15,600 | -2.3% | 1.0% | 8.3% | 4,100 | 0.1 | |
| 14 | KIM GROWTH VN DIAMOND ETF | FUEKIVND | 15,200 | n.a | 3.3% | 5.7% | 100 | 0.0 | |
| 15 | Bao Viet Fund VN Diamond | FUEBFVND | n.a | n.a | 0.0% | 0.0% | 0 | n.a | |
| 16 | An Binh Fund VN Diamond | FUEABVND | 12,250 | 0.0% | 2.9% | 13.3% | 0 | n.a | |

Tỷ suất lợi nhuận của các ETF và VNINDEX



Thông kê chứng chỉ quỹ ETF nội địa

| Stt | Tên quỹ | Công ty quản lý | Ngày thành lập | Mô phỏng chỉ số | Tài sản (triệu USD) | Dòng vốn ròng 1M (triệu USD) | Dòng vốn ròng 3M (triệu USD) | Tỷ suất lợi nhuận 1Y (%) | Độ lệch chuẩn 1Y (%) | Beta | Lợi suất cổ tức (%) | PB (x) | PE (x) | Tỷ trọng top 10 cổ phiếu (%) |
|-----|----------------------------|-----------------|----------------|-----------------|---------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------------|----------------------|------|---------------------|--------|--------|------------------------------|
| 1 | DCVFMVN30 ETF Fund | DCVFM | 8/14/2014 | VN30TR | to be empty | 17,924 | (138,968) | 53.3 | 18.7 | 0.9 | 1.72 | 2.3 | 13.8 | 53.6 |
| 2 | SSIAM VNX50 ETF | SSIAM | 12/15/2014 | VNX50IX | n.a | - | 5,620 | 47.8 | 23.4 | 0.8 | 1.64 | 1.8 | 13.7 | 52.3 |
| 3 | SSIAM VNFIN LEAD ETF | SSIAM | 2/24/2020 | VNFL | n.a | 21,174 | 50,597 | 38.8 | 25.1 | 1.0 | 1.93 | 1.6 | 9.7 | 86.1 |
| 4 | DCVFMVN Diamond ETF | DCVFM | 5/12/2020 | VND | n.a | 119,848 | 301,418 | 24.8 | 21.5 | 0.9 | 1.96 | 2.1 | 12.4 | 84.1 |
| 5 | VinaCapital VN100 ETF | Vinacapital | 6/16/2020 | VN100 | n.a | - | - | 47.7 | 19.8 | 0.8 | 1.67 | 2.0 | 12.9 | 47.8 |
| 6 | SSIAM VN30 ETF | SSIAM | 7/27/2020 | VN30 | n.a | 7,514 | 7,353 | 51.4 | 21.6 | 0.7 | 1.66 | 2.3 | 14.0 | 63.1 |
| 7 | MAFN VN30 ETF | MAFM | 12/8/2020 | VN30 | n.a | (49,493) | (74,073) | 53.7 | 21.2 | 1.0 | 1.56 | 2.2 | 13.9 | 70.0 |
| 8 | IPAAM VN100 ETF | I.P.A | 7/28/2021 | VN100 | n.a | - | - | 49.4 | 55.3 | 0.9 | 1.56 | 2.0 | 13.4 | 55.0 |
| 9 | KIM Growth VN30 ETF | KIM | 1/6/2022 | VN30TR | n.a | - | - | 54.8 | 23.8 | 0.9 | 1.73 | 1.8 | 11.7 | 58.9 |
| 10 | DCVFMVN Mid Cap ETF | DCVFM | 9/29/2022 | VNMidcap | n.a | 2,673 | 9,598 | 16.3 | 25.1 | 0.8 | 1.46 | 1.5 | 13.6 | 38.7 |
| 11 | KIM Growth VNFINSELECT ETF | KIM | 11/3/2022 | VNFS | n.a | - | (8,614) | 32.9 | 25.5 | 0.9 | 1.97 | 1.4 | 8.8 | 71.1 |
| 12 | MAFM VNDIAMOND ETF | MAFM | 3/2/2023 | VND | n.a | 89,718 | 56,969 | 24.7 | 23.1 | 0.9 | 2.07 | 2.0 | 11.8 | 87.3 |
| 13 | FPT CAPITAL VNX50 ETF | FPTF | 5/25/2023 | VNX50 | n.a | - | - | 38.1 | 37.0 | 0.6 | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 14 | KIM GROWTH VN DIAMOND ETF | KIMF | 4/24/2024 | VNX50 | n.a | n.a | n.a | 22.6 | 25.6 | 1.0 | 1.94 | 2.0 | 12.8 | 81.7 |
| 15 | Bao Viet Fund VN Diamond | BVF | #N/A | N/A | VN30 | n.a | n.a | n.a | 0.0 | n.a | n.a | n.a | n.a | n.a |
| 16 | An Binh Fund VN Diamond | ABF | 8/16/2024 | VN30 | n.a | n.a | n.a | 20.7 | 30.5 | 0.7 | n.a | n.a | n.a | n.a |

Nguồn: Bloomberg

SEOUL

Shinhan Securities Corp.
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongsungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
18th Floor, The Mett Tower, 15 Tran Bach Dang Street, Thu Thiem
Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To Ward,
Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyển bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.